

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 03-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Hiệp

Ông Phạm Thạch Út

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 Tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo: P T L (L A), sinh ngày 16 tháng 9 năm 1994 tại xã M K, thành phố L X, tỉnh An Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B K, xã M K, thành phố L X, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp B K, xã M K, thành phố L X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P T T, sinh năm 1969, còn sống và bà N T K Q, sinh năm 1972, còn sống; Tiền án: Chưa; Tiền sự: 01 lần. Vào ngày 19-11-2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 16 tháng, chấp hành xong ngày 27-11-2019; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-7-2020 cho đến nay tại Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** 1/ Ông L V D, sinh ngày 14-01-1972 (vắng mặt)
2/ Bà L T P Y, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp T T, xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông N V T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 51, Tổ 33, khu vực 5, phường H P, quận C R, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

khoảng 05 giờ ngày 06-5-2020, P T L (L A) điều khiển xe mô tô biển số 65B1 – 894.46 đi từ thành phố L X, tỉnh An Giang đến xã Vĩnh Thành, huyện C T, tỉnh An Giang để tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 07 giờ khi đến Tổ 5, ấp T T, xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang thì phát hiện nhà của ông L V D cửa khép hờ, không có người trông coi nên L điều khiển xe chạy vào đậu xe trước sân nhà ông D, rồi đi qua bên phía căn nhà gỗ chỗ cánh cửa khép hờ, đẩy mạnh cửa đi vào trong nhà. Lúc này ông N V P đang đứng trong vườn kế bên nhà ông D nghe tiếng động, nhìn qua thì thấy L đột nhập vào nhà ông D nên gọi điện thoại cho bà N T T là mẹ ông D báo tin cho ông D và vợ là bà L T P Y hay.

Khi L vào trong nhà đi thẳng vào phòng ngủ căn nhà gỗ thì thấy một tủ nhựa màu trắng, mở tủ thấy 01 túi nylon bên trong có số tiền 1.760.000đ gồm: 02 tờ mệnh giá 50.000đ, 06 tờ mệnh giá 20.000đ, 36 tờ mệnh giá 10.000đ, 90 tờ mệnh giá 5.000đ, 260 tờ mệnh giá 2.000đ, 210 tờ mệnh giá 1.000đ. L cầm lấy túi nylon đựng tiền rồi đi tiếp ra phía sau nhà gỗ để mở cửa đi qua nhà tường; L đi vào phòng khách nhà tường thì thấy trên bàn gỗ có 05 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumia 625H màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 màu xám đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám; L lấy 05 điện thoại bỏ vào túi nylon đựng tiền rồi tẩu thoát.

Liên lúc này L từ trong nhà của ông D đi ra trên tay có cầm theo bọc nylon đựng tài sản đi ra khỏi nhà ông D, ông D tri hô và gọi ông N V H đến phối hợp bắt giữ L giao nộp cho Công an xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; đồng thời báo cáo Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành. Qua làm việc L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời còn khai nhận thêm:

Vào ngày 20-3-2020, L đến khu vực ấp H T, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang để tìm tài sản lấy trộm; thì phát hiện xe mô tô biển số 67L1 – 286.73 của ông H V N đậu trong trại ruộng không ai trông coi nên L đã dùng tay kéo yên xe lên rồi lấy trộm trong cốp xe 01 giấy chứng minh nhân dân, 01

giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, tất cả đều mang tên H V N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên V T N D.

Vào khoảng cuối tháng 4/2020, L điều khiển xe mô tô biển số 65B1 – 894.46 đi đến khu vực cầu M K Lớn thuộc phường M H, thành phố L X, tỉnh An Giang để tìm tài sản lấy trộm thì L phát hiện có một ngôi nhà không ai trông coi nên L đã lên đột nhập vào lấy trộm 01 điện thoại di động cảm ứng, màu đỏ không rõ nhãn hiệu rồi tẩu thoát. L đã bán điện thoại cho 01 người đàn ông không rõ họ tên được số tiền 300.000đ và tiêu xài hết.

Thu giữ của bị cáo:

01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 màu đen, số IMEI là 354741/07/0288107/7

01 kiềng cơ nhãn hiệu SENKA, cán bọc nhựa màu trắng xanh, dài khoảng 15cm;

01 xe mô tô nhãn hiệu KOZUMI màu đỏ – đen, biển số 65B1 – 894.46, số khung VDGZS152FMHKM017838, số máy RNDWCHIND91B17838;

03 chìa khóa xe;

02 cờ lê loại 13mm;

01 cờ lê loại 17mm;

01 ví tiền màu đen.

Tại kết luận định giá tài sản số 29/KL.HĐ ngày 10-6-2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, số IMEI là 354408061682974 đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại tương đương 30%. Trị giá là 300.000đ (1.000.000đ x 30%);

01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumia 625H màu đen, hồng nút bấm, số IMEI là 356691051928337, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại tương đương 30%. Trị giá là 220.000đ (550.000đ x 30%);

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 màu xám đen, số IMEI là 356357/05/225813/1, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại tương đương 30%. Trị giá là 90.000đ (300.000đ x 30%);

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số IMEI là 357302087631288, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại tương đương 30%. Trị giá là 90.000đ (300.000đ x 30%);

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám, số IMEI là 352434, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại tương đương 30%. Trị giá là 90.000đ (300.000đ x 30%);

Tổng giá trị tài sản là 790.000đ (bảy trăm chín mươi ngàn đồng)

Ngày 08-7-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố vụ án số 36 và khởi tố bị can số 24 đối với P T L, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam số 10. Ngày 22-7-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành ra Quyết định truy nã bị can và ngày 23-7-2020 bắt

được bị can và ra Quyết định tạm giữ. Đến ngày 26-7-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành ra Lệnh Tạm giam đối với bị can.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo P T L khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Trong quá trình điều tra: Bị hại ông L V D và bà L T P Y; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N V T; người làm chứng ông N V P, bà N T T, ông N V H trình bày như nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo P T L đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Bị cáo là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Vào khoảng 07 giờ ngày 06-5-2020, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, trị giá là 300.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumia 625H màu đen, trị giá là 220.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 màu xám đen, trị giá là 90.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, trị giá là 90.000đ và số tiền 1.760.000đ của ông D bà Y. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.550.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông D, bà Y; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản số 29/KL.HĐ ngày 10-6-2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trả lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt cho bị hại ông D bà Y là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumia 625H màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 màu xám đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen và số tiền 1.760.000đ.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSCT-HS ngày 29-9-2020 gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 màu đen, số IMEI là 354741/07/0288107/7; 01 kiềng nhôm nhãn hiệu SENKA, cán bọc nhựa màu trắng xanh, dài khoảng 15cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu KOZUMI màu đỏ – đen, biển số 65B1 – 894.46, số khung

VDGZS152FMHKM017838, số máy RNDWCHIND91B17838; 03 chìa khóa xe; 02 cờ lê loại 13mm; 01 cờ lê loại 17mm; 01 ví tiền màu đen.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKSCT-HS ngày 29-9-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo P T L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Căn cứ: khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị cáo P T L mức án tù: 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23-7-2020.

*Phần bồi thường dân sự: Bị hại ông D, bà Y đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

*Tang vật liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSCT-HS ngày 29-9-2020. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 màu đen và 01 ví tiền màu đen là tài sản của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu nhận lại. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu KOZUMI màu đỏ – đen, biển số 65B1 – 894.46, số khung VDGZS152FMHKM017838, số máy RNDWCHIND91B17838, đứng tên N V T; 03 chìa khóa xe; 01 kiểm cơ nhãn hiệu SENKA; 02 cờ lê loại 13mm; 01 cờ lê loại 17mm là các vật dụng đi kèm theo xe mô tô là tài sản của bị cáo, bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tịch thu bán sung quỹ nhà nước.

Đối với hành vi của P T L lấy trộm điện thoại di động cảm ứng, màu đỏ ở khu vực phường M H, thành phố L X, tỉnh An Giang. Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử lý theo thẩm quyền.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Do dịch bệnh Covid-19, bị cáo không có việc làm, thiếu nợ nên túng quẫn làm liều, bị cáo đã nhận ra sự sai trái, bị cáo hối hận, bị cáo hứa sẽ cố gắng cải tạo tốt khi chấp hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, cho bị cáo cơ hội sớm về với gia

đình lao động chân chính để lo cho gia đình và trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong vụ án này có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Vào khoảng 07 giờ, ngày 06-5-2020, tại nhà của ông L V D thuộc Tổ 5, ấp T T, xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang. Bị cáo P T L là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình đã thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, trị giá là 300.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumia 625H màu đen, trị giá là 220.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 màu xám đen, trị giá là 90.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, trị giá là 90.000đ và số tiền 1.760.000đ của ông D bà Y. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.550.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông D, bà Y; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

như vậy, hành vi của bị cáo L đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông D bà Y với số tiền 2.550.000đ nên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Song xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống kinh tế của họ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong khi bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Lẽ ra, bị cáo phải biết ăn năn hối cải, cần cai nghiện cho tốt, lao động kiếm sống để trở thành người công dân tốt, ngược lại bị cáo lại có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm giúp cho bị cáo hiểu được giá trị của lao động, trở thành công dân tốt có ích cho xã hội sau này và cũng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Đối với hành vi của P T L lấy trộm điện thoại di động cảm ứng, màu đỏ ở khu vực phường M H, thành phố L X, tỉnh An Giang. Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định pháp luật.

[8] *Về vật chứng liên quan đến vụ án:*

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho bị hại ông D bà Y là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumia 625H màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 màu xám đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen và số tiền 1.760.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSCT-HS ngày 29-9-2020. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 màu đen và 01 ví tiền màu đen là tài sản của bị cáo, còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu nhận lại. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu KOZUMI màu đỏ – đen, biển số 65B1 – 894.46, số khung VDGZS152FMHKM017838, số máy RNDWCHIND91B17838, đứng tên N V T; 03 chìa khóa xe; 01 kiểm cơ nhãn hiệu SENKA; 02 cờ lê loại 13mm; 01 cờ lê loại 17mm là các vật dụng đi kèm theo xe mô tô là tài sản của bị cáo, bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét tịch thu bán sung quỹ nhà nước.

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại ông D, bà Y đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Án phí:* Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo P T L phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[11] *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo P T L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03-11-2020).

Bị hại ông L V D, bà L T P Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N V T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: bị cáo P T L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt P T L 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23-7-2020.

Căn cứ vào: Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu KOZUMI màu đỏ – đen, biển số 65B1 – 894.46, số khung VDGZS152FMHKM017838, số máy RNDWCHIND91B17838, đứng tên N V T; 03 chìa khóa xe; 01 kiểm cơ nhãn hiệu SENKA; 02 cờ lê loại 13mm; 01 cờ lê loại 17mm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 màu đen và 01 ví tiền màu đen. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSCT-HS ngày 29-9-2020.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo P T L phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo P T L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03-11-2020).

Bị hại ông L V D, bà L T P Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N V T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lý Đông Hoà